

Số: 28 /2022/QĐST- DS

TP. Thanh Hóa, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Loan.

2. Ông Nguyễn Hồng Vân.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 67/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở chính: phố T, phường T, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông Đỗ Quốc H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh SHB Thanh Hóa.

Ông Nguyễn Tất Đ: Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân; *(Theo Quyết định ủy quyền số 217/2021/ QĐ-HĐQT ngày 04/8/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S).*

Cùng địa chỉ: đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: - Ông Nguyễn Đình H2 –sinh năm 1972.

- Bà Lê Thị N – sinh năm 1972.

HKTT: phố Q, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: phố Q, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

đường Q, xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 29/7/2022, ông H2 bà N còn nợ Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 125/2015/HĐTDTD-CN/SHB.110800 ngày

11/8/2015 tổng số tiền là: 1.364.912.776 đồng (*Một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 1.076.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 272.297.279 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.415.496 đồng.

Ông H2, bà N trả nợ cho Ngân hàng TMCP S theo phương án trả nợ như sau:

- Kỳ 1: Ngày 28/8/2022, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 2: Ngày 28/11/2022, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 3: Ngày 28/02/2023, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 4: Ngày 28/5/2023, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 5: Ngày 28/8/2023, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 6: Ngày 28/11/2023, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 7: Ngày 28/02/2024, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 8: Ngày 28/5/2024, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 9: Ngày 28/8/2024, ông H2, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng SHB 100.000.000 đồng tiền gốc (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn).
- Kỳ 10: Ngày 28/11/2024, ông H2, bà N phải thanh toán số tiền còn lại là 464.912.776 đồng (*Bốn trăm sáu mươi tư triệu chín trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng*). Từ ngày 30/7/2022, Ông H2, bà N tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc theo lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 125/2015/HĐTDTD-CN/SHB.110800 ngày 11/8/2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Nếu ông H2, bà N vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào như đã cam kết thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 467, tờ bản đồ số 01, thôn T, xã Q, thành phố T (nay là đường Q, xã Q thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BY752994 vào sổ cấp GCN: CH 00631/3343/QĐ- UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 25/04/2015 đứng tên ông Nguyễn Đình H2 (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 125/2015/HĐTC-CN/SHB.110800 ngày 11/8/2015); Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 12, đường Q, phường, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là đường Q, phường, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE783400 vào sổ cấp GCN: H02115ĐV QSDĐ/2669/QĐ- UBND do UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 01/9/2006 đứng tên ông Nguyễn Đình H2 và bà Lê Thị N (chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng

đất số 125.2/2015/HĐTC-CN /SHB.110800 ngày 14/8/2015) để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Ông H2, bà N phải chịu 52.947.383đ (Năm mươi hai triệu chín trăm bốn bảy nghìn ba trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.961.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001619 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Nga